

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN ÁN LỆ TIẾNG NHẬT

PHAN TUẤN LY¹

Abstract: The article focuses on describing the structure of Japanese precedents from the discourse analysis perspective. The author describes basic features of the structure of Japanese precedents. Based on the analysis a few recommendations regarding the approach to Japanese precedents in linguistic and interdisciplinary research have been suggested.

Key words: *Japanese case law, text structure, structure of Japanese precedent.*

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế toàn cầu hoá, việc nghiên cứu pháp luật nước ngoài là một điều hết sức cần thiết và cấp bách. Ở các quốc gia theo mô hình của hệ thống pháp luật thông luật (common law), án lệ là một nguồn quan trọng và chủ yếu của pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, án lệ chỉ mới được tiếp nhận ở các quốc gia theo mô hình của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa (*civil law* hay 大陸法) trong thời gian gần đây. Nhật Bản là một quốc gia áp dụng mô hình của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa nhưng lại chấp nhận áp dụng án lệ từ rất sớm. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đi vào tìm hiểu cấu trúc văn bản của án lệ Nhật Bản, hi vọng là một góc nhìn mới về án lệ - trên bình diện ngôn ngữ học, chứ không phải là bình diện pháp lý hay các khoa học liên ngành khác. Thông qua việc mô tả cấu trúc văn bản, chúng tôi cũng đề xuất một số kinh nghiệm khi tiếp cận nghiên cứu tiền lệ pháp ở đất nước xứ hoa anh đào.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm án lệ

Án lệ là một thuật ngữ khi nhắc đến, bất cứ những nhà nghiên cứu pháp lý và những người học về lĩnh vực pháp luật đều có thể hiểu và “mường tượng” về cái được nhắc đến. Tuy nhiên, việc đưa ra các khái niệm chính xác là điều chưa bao giờ dễ dàng. Mặc dù các nhà khoa học pháp lý đã cố gắng khái quát thành các hệ thống pháp luật lớn, nhưng việc tiếp cận khái niệm “án lệ” ở các hệ thống pháp luật là khác nhau, thậm chí ở từng quốc gia cũng không giống nhau. Sau đây, chúng tôi xin trình bày một số khái niệm về án lệ trên thế giới và ở Việt Nam để người đọc dễ nắm bắt đối tượng mà chúng tôi đang nghiên cứu.

Anh và Mỹ là những quốc gia theo truyền thống thông luật. Án lệ ở những quốc gia này được hình thành dựa trên nguyên tắc *stare decisis* (tiền lệ phải được tuân thủ) [7, tr. 319]. Tất cả các bản án khi được ban hành thông thường đều được xem là một nguồn luật và các thẩm phán khác khi tiến hành xét xử

¹ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

phải nghiên cứu và áp dụng trong các vụ việc tương tự. Ở Anh, án lệ được hiểu là: “Một phán quyết hay quyết định của một Tòa án, thông thường được ghi lại trong một báo cáo luật, được sử dụng như là một quyền năng để đưa ra quyết định tương tự trong các trường hợp tiếp theo. Trong luật Anh, các quyết định và phán quyết có thể sử dụng các án lệ bắt buộc và các án lệ thuyết phục (không bắt buộc)” [5, tr. 224]. Ở Mỹ, dù kế thừa và tiếp nhận hệ thống pháp luật tiền lệ pháp của Anh, nhưng án lệ ở Mỹ “đã được phát triển và hiểu một cách đúng đắn nhất trong bối cảnh của truyền thống thông luật Mỹ, đóng vai trò quan trọng kể từ khi người Anh định cư ở Mỹ đầu tiên vào đầu thế kỉ XVII” [6]. Như vậy, án lệ ở Mỹ dù có nguồn gốc từ Anh, nhưng vẫn mang những nét riêng và phải được lí giải trên “bối cảnh” của nước Mỹ.

Ở Việt Nam, khái niệm về án lệ được hiểu “là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử” (Điều 1, Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015, sau đó được thay thế bởi Điều 1, Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao). Ở Việt Nam, không phải tất cả các bản án, quyết định của Tòa án đều trở thành án lệ, mà chỉ có những bản án, quyết định được Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao - cơ quan cao nhất trong hệ thống Tòa án lựa chọn và quyết định.

Như vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng, theo các hệ thống pháp luật khác nhau, án lệ cũng được hiểu không đồng nhất.

2.2. Án lệ ở Nhật Bản

Cuối thế kỉ XIV, do yêu cầu từ thực tiễn, các *shogun* (tướng quân - người cai trị thế chế) bắt đầu sử dụng việc xét xử như là một quá trình để áp đặt pháp luật và các tiền lệ đối với người dân và các võ sĩ. Đặc biệt là sự ra đời của tuyển tập án lệ được tập hợp vào thời kì Tokugawa kéo dài từ năm 1603 đến năm 1867. Sau này được Bộ Tư pháp Nhật Bản tổng hợp và xuất bản với tên gọi *Thời đại Tokugawa hình sự quán lệ tuyển tập: Tài phán lệ Tokugawa* (司法省調査課編, 1986). Đây là những án lệ về hợp đồng, tài sản, con người và thủ tục xét xử. Có thể đánh giá thời kì Tokugawa là thời kì đánh dấu sự xuất hiện của án lệ tại Nhật Bản. Án lệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ đến thời Minh Trị, Đại Chính, Chiêu Hoà.

Dù việc xem xét các án lệ đã xuất hiện trong lịch sử phong kiến Nhật Bản như đã trình bày ở trên, nhưng trong lịch sử hiện đại án lệ chỉ mới được xem xét và áp dụng từ sau những năm 1945. Với hơn nửa thập kỉ hình thành và phát triển, án lệ ở Nhật cũng đã định hình và đóng vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật Nhật Bản. Ở Nhật, án lệ được hiểu một cách rất đơn giản, đó là “các tiền lệ của Tòa án” và thường được gọi là “hanrei” [8, tr. 558]. Các lập luận, phán quyết của tòa án trong các bản án, quyết định đối với một vụ án cụ thể đã xảy ra trong quá khứ nhưng đến tận bây giờ vẫn còn ràng buộc về mặt pháp lí được gọi là “án lệ” [10, tr.3]. Như vậy, án lệ ở Nhật dùng để chỉ cho một bộ phận bên trong các phán quyết, quyết định của Tòa án, mà việc áp dụng thích hợp bộ phận đó cần thiết cho việc giải quyết tranh chấp trong một vụ việc cụ thể. Một phán quyết, quyết định của Tòa án ở Nhật Bản được xem là án lệ không phụ thuộc vào việc nó được áp dụng bao nhiêu lần trong các phán quyết, quyết định của Tòa án trong tương lai, thậm chí dù chỉ một lần [9, tr. 88].

Án lệ là thuật ngữ không đồng nhất ở các quốc gia. Nhưng đúc kết từ nhiều khái niệm và như những trình bày ở trên, chúng tôi cũng đồng ý với Châu Hoàng Thân về một số đặc điểm của án lệ: (i) án lệ là sản phẩm sáng tạo pháp luật của toà án; (ii) là căn cứ để giải quyết các vụ án tương tự xảy ra sau này [3, tr. 22].

3. Cấu trúc văn bản của án lệ tiếng Nhật

3.1. Mô tả ngữ liệu

Án lệ của Nhật Bản hiện tại được công bố chính thức trên trang thông tin điện tử của Toà Tối cao Nhật Bản². Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi không tiến hành phân loại án lệ dựa trên các đặc điểm của án lệ. Theo đó, chúng tôi tiến hành khảo sát dựa trên 6 nhóm án lệ được Toà Tối cao Nhật Bản phân loại trong danh mục tìm kiếm, bao gồm: án lệ của Toà Tối cao, án lệ của Toà Cấp cao, án lệ của Toà án Cấp dưới; án lệ giải quyết vụ án hành chính, án lệ giải quyết vụ án lao động và án lệ giải quyết vụ án sở hữu trí tuệ. Toà Cấp cao là một toà án cấp dưới, trực thuộc Toà Tối Cao của Nhật Bản.

Mỗi loại án lệ chúng tôi khảo sát 10 án lệ được lựa chọn ngẫu nhiên trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2020. Tổng số các án lệ mà chúng tôi khảo sát là 60 án lệ thuộc 6 nhóm án lệ theo danh mục phân loại của Toà Tối cao Nhật Bản.

3.2. Đặc điểm cấu trúc của án lệ tiếng Nhật

Sau quá trình khảo sát cấu trúc của 60 bản án lệ, chúng tôi rút ra được cấu trúc văn bản của sáu nhóm án lệ theo danh mục của Toà án Tối cao Nhật Bản. Cấu trúc văn bản án lệ Nhật Bản được minh hoạ lần lượt như sau: án lệ của Toà Tối cao thể hiện qua Bảng 1, án lệ của Toà Cấp cao được thể hiện qua Bảng 2, án lệ của Toà Cấp dưới được thể hiện qua Bảng 3, án lệ của Toà án giải quyết các vụ án hành chính và vụ án lao động được thể hiện qua Bảng 4, án lệ của Toà án giải quyết các vụ án sở hữu trí tuệ được thể hiện qua Bảng 5.

Bảng 1. Cấu trúc văn bản án lệ của Toà tối cao (最高裁判所)

Cấu trúc văn bản án lệ		Các bộ phận cấu thành	Nội dung chi tiết của các bộ phận
Thông tin về án lệ	A	Thông tin cơ bản về án lệ	Trình bày tên, số hiệu, năm thụ lý; Ngày xét xử, cơ quan xét xử;
主文 Quyết định của Toà	B	Đưa ra các quyết định của Toà liên quan đến các yêu cầu của đương sự	Tuyên bố các quyết định của Toà theo những yêu cầu mà các bên đưa ra.
理由 Lí do	C	事案の概要 Phần 1. Khái quát vụ án	Trình bày sơ lược nội dung của vụ án.
	D	原審の適法に確定した事実関係等の概要 Phần 2. Khái quát các vấn đề đã được giải quyết ở cấp xét xử trước đó	Mô tả lại quan điểm của Toà án đã xét xử trước đó về các vấn đề đã được giải quyết.

² Xem thêm tại <https://www.courts.go.jp/index.html> hoặc tiêu mục tra án lệ: https://www.courts.go.jp/app/hanrei_jp/search1

	E	原審の判断 Phần 3. Đánh giá đối với từng vấn đề đã được giải quyết ở cấp xét xử trước đó.	Toà đưa ra các nhận định của mình về các vấn đề đã được xét xử ở các cấp xét xử trước đó.
	F	結論 Phần 4. Kết luận	Kết luận của Toà về các vấn đề cần được giải quyết trong vụ án.
Thông tin về chủ thể xét xử	G	Tên các thẩm phán và chức vụ	Tên của các thành viên xét xử.

Ở các án lệ của Toà Tối cao sẽ không có phần Tên cơ quan xét xử ở phía dưới án lệ. Toà Tối cao có 2 cơ quan tiến hành xét xử bao gồm: Đại pháp đình (大法廷) và Tiểu pháp đình (小法廷). Trong đó, Đại pháp đình là cơ quan gồm tất cả 15 thành viên của Toà Tối cao và Tiểu pháp đình gồm 5 thẩm phán của Toà Tối cao. Tên cơ quan xét xử sẽ xuất hiện trong phần A, do vậy sẽ chỉ liệt kê những nội dung ở phần F và G, mà không có phần Tên cơ quan xét xử.

Bảng 2. Cấu trúc văn bản án lệ của Toà Cấp cao (高等裁判所)

Cấu trúc văn bản án lệ		Các bộ phận cấu thành	Nội dung chi tiết của các bộ phận
Thông tin về án lệ	A	Thông tin cơ bản về án lệ	Trình bày tên, số hiệu, năm thụ lý; Ngày xét xử, cơ quan xét xử;
主文 Quyết định của Toà	B	Đưa ra các quyết định của Toà liên quan đến các yêu cầu của đương sự	Tuyên bố các quyết định của Toà theo những yêu cầu mà các bên đưa ra.
理由 Lí do	C	控訴の趣意概要 Phần 1. Khái quát các nội dung kháng cáo/ nội dung vụ việc	Giới thiệu sơ lược vụ án và các nội dung cần giải quyết.
	D	控訴の趣意 1 Phần 2. Nội dung kháng cáo số 1/ hoặc quan điểm, yêu cầu của các bên	D1: Giới thiệu sơ lược về nội dung của phần kháng cáo/ vụ án D2: Quan điểm của cấp xét xử trước đó/ của cơ quan công tố và luật sư của bị cáo D3: Quan điểm của cơ quan xét xử D4: Kết luận
	E	控訴の趣意 2 Phần 3. Nội dung kháng cáo số 2/ hoặc quan điểm, yêu cầu của các bên	Tương tự với phần D
	F	控訴の趣意 3... Nội dung kháng cáo số 3.../ hoặc quan điểm, yêu cầu của các bên	Tương tự với phần D
	G	Kết luận	Kết luận của Toà về các vấn đề cần được giải quyết trong vụ án.
Thông tin về chủ thể xét xử	H	Tên các thẩm phán và chức vụ	Tên của các thành viên xét xử.

Toà Cấp cao có thẩm quyền giải quyết các vụ án ở cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (cấp xét xử thứ hai) [2, tr. 98]. Tuy nhiên, theo ngữ liệu khảo sát thì chủ yếu Toà thực hiện chức năng xét xử phúc

thẩm. Do đó, cấu trúc văn bản án lệ của Toà Cấp cao được mô tả như trên. Án lệ ở cấp xét xử sơ thẩm có khác biệt, nhưng không quá lớn so với cấu trúc văn bản của án lệ cấp phúc thẩm.

Bảng 3. Cấu trúc văn bản án lệ của Toà án Cấp dưới (下級裁判所)

Cấu trúc văn bản án lệ		Các bộ phận cấu thành	Nội dung chi tiết của các bộ phận
Thông tin về án lệ	A	Thông tin cơ bản về án lệ	Trình bày tên, số hiệu, năm thụ lí; Ngày xét xử, cơ quan xét xử;
主文 Quyết định của Toà	B	Đưa ra các quyết định của Toà liên quan đến các yêu cầu của đương sự	Tuyên bố các quyết định của Toà theo những yêu cầu mà các bên đưa ra hoặc những vấn đề liên quan mà Toà nhận thấy cần phải giải quyết.
(事実及び理由) (Sự thật và) lí do	C	請求 Phần 1. Các yêu cầu	Trình bày yêu cầu của các bên liên quan đến vụ việc xét xử.
	D	事案の概要 Phần 2. Khái quát vụ án	Giới thiệu sơ lược vụ án và các nội dung cần giải quyết.
	E	争点に対する判断 Phần 3. Đánh giá đối với từng luận điểm	Toà đưa ra nhận định về các luận điểm vẫn còn tranh cãi giữa các bên.
	F	結論 Phần 4. Kết luận	F1: Áp dụng pháp luật F2: Lí do lượng hình F3: Kết luận hình phạt
Thông tin về chủ thể xét xử	G	Tên cơ quan xét xử	Tên của Toà án ban hành phán quyết thành án lệ.
	H	Tên các thẩm phán và chức vụ	Tên của các thành viên xét xử.

Về cơ bản, cấu trúc văn bản án lệ ở Toà Địa phương về cơ bản không có sự khác biệt giữa các lĩnh vực xét xử. Tuy nhiên, đối với án lệ hình sự thì phần F có sự khác biệt về áp dụng pháp luật, lí do lượng hình và kết luận hình phạt. Đối với các án lệ thuộc lĩnh vực khác thì chỉ trình bày kết luận của cơ quan xét xử mà thôi.

Bảng 4. Các án lệ giải quyết vụ án hành chính và lao động (行政事件と労働事件)

Cấu trúc văn bản án lệ		Các bộ phận cấu thành	Nội dung chi tiết của các bộ phận
Thông tin về án lệ	A	Thông tin cơ bản về án lệ	Trình bày tên, số hiệu, năm thụ lí; Ngày xét xử, cơ quan xét xử;
主文 Quyết định của Toà	B	Đưa ra các quyết định của Toà liên quan đến các yêu cầu của đương sự	Tuyên bố các quyết định của Toà theo những yêu cầu mà các bên đưa ra hoặc những vấn đề liên quan mà Toà nhận thấy cần phải giải quyết.
理由 Lí do	C	請求 Phần 1. Các yêu cầu xét xử	Trình bày yêu cầu của các bên liên quan đến vụ việc xét xử.
	D	事案の概要 Phần 2. Khái quát vụ án	Giới thiệu sơ lược vụ án và các nội dung cần giải quyết.

	E	争点に対する判断 Phần 3. Đánh giá đối với từng luận điểm	Toà đưa ra nhận định về các luận điểm vẫn còn tranh cãi giữa các bên.
	F	結論 Phần 4. Kết luận	Kết luận của Toà về các vấn đề cần được giải quyết trong vụ án.
Thông tin về chủ thể xét xử	G	Tên cơ quan xét xử	Tên của Toà án ban hành phán quyết thành án lệ.
	H	Tên các thẩm phán và chức vụ	Tên của các thành viên xét xử.

Bảng 5. Các án lệ giải quyết vụ việc về sở hữu trí tuệ (知的財産)

Cấu trúc văn bản án lệ		Các bộ phận cấu thành	Nội dung chi tiết của các bộ phận
Thông tin về án lệ	A	Thông tin cơ bản về án lệ	Trình bày tên, số hiệu, năm thụ lí; Ngày xét xử, cơ quan xét xử;
主文 Quyết định của Toà	B	Đưa ra các quyết định của Toà liên quan đến các yêu cầu của đương sự	Tuyên bố các quyết định của Toà theo những yêu cầu mà các bên đưa ra hoặc những vấn đề liên quan mà Toà nhận thấy cần phải giải quyết.
理由 Lí do	C	請求 Phần 1. Các yêu cầu xét xử	Trình bày yêu cầu của các bên liên quan đến vụ việc xét xử.
	D	事案の概要 Phần 2. Khái quát vụ án	Giới thiệu sơ lược vụ án và các nội dung cần giải quyết.
	E	当事者の主張 Quan điểm của các bên đương sự	Toà án trình bày và ghi nhận quan điểm của các bên đương sự trong vụ án.
	F	争点に対する判断 Phần 3. Đánh giá đối với từng luận điểm	Toà đưa ra nhận định về các luận điểm vẫn còn tranh cãi giữa các bên.
	G	結論 Phần 4. Kết luận	Kết luận của Toà về các vấn đề cần được giải quyết trong vụ án.
Thông tin về chủ thể xét xử	H	Tên cơ quan xét xử	Tên của Toà án ban hành phán quyết thành án lệ.
	I	Tên các thẩm phán và chức vụ	Tên của các thành viên xét xử.

Nhìn chung, theo lĩnh vực xét xử, thì cấu trúc án lệ không khác biệt giữa án lệ hành chính, lao động và sở hữu trí tuệ. Trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tranh chấp xảy ra giữa hai bên chủ thể thuộc lĩnh vực tư. Do vậy, quan điểm của các bên là một phần rất quan trọng trong việc đánh giá sự thật về vụ kiện, nên phần E (quan điểm của các bên đương sự) luôn xuất hiện trong các án lệ về sở hữu trí tuệ.

3.3. Một vài đánh giá về cấu trúc của án lệ tiếng Nhật

Án lệ tiếng Nhật có cấu trúc chi tiết không giống nhau ở từng lĩnh vực xét xử và các cơ quan xét xử. Ở lĩnh vực hành chính và lao động, cấu trúc án lệ gần như tương đồng. Nhưng ngược lại, ở lĩnh vực sở hữu trí tuệ lại có cấu trúc văn bản không giống hoàn toàn. Án lệ của Toà Tối cao, Toà Cấp cao và Toà án Địa phương có cấu trúc khá khác biệt. Có thể lí giải cho những sự khác biệt này là do hai vấn đề: (1) nội dung vụ kiện; (2) thẩm quyền giải quyết. Nội dung vụ tranh chấp quy định chủ thể tranh chấp. Trong các vụ tranh chấp giữa các chủ thể tư như sở hữu trí tuệ, thì cấu trúc án lệ xuất hiện phần quan điểm của các bên đương sự, còn các án lệ thuộc lĩnh vực khác thì lại ít đề cập đến vấn đề này. Thẩm quyền giải quyết cấp xét xử thứ nhất (sơ thẩm), cấp xét xử thứ hai (phúc thẩm) hoặc cấp xét xử thứ ba cũng là vấn đề chi phối đến cấu trúc của án lệ. Ở cấp sơ thẩm không ghi nhận về các quyết định của cấp xét xử trước đó, vì vốn dĩ không có cấp xét xử nào trước cấp sơ thẩm. Và tương tự như thế, có những bộ phận mà chỉ có thể xuất hiện trong các án lệ phúc thẩm hoặc án lệ cấp xét xử thứ ba, mà không thể xuất hiện trong cấp xét xử sơ thẩm. Như vậy, cấu trúc án lệ tiếng Nhật không phải hoàn toàn giống nhau theo một cấu trúc văn bản duy nhất.

Các đơn vị ngôn ngữ trong án lệ như các từ, cụm từ, câu, đoạn văn không thể hành chức để thực hiện chức năng của án lệ. Muốn thực hiện chức năng của án lệ, các đơn vị ngôn ngữ này phải được cấu trúc lại thành một đơn vị lớn hơn là diễn ngôn. Do vậy, phải xem xét án lệ với tư cách là một diễn ngôn khi hành chức. Và việc nghiên cứu diễn ngôn án lệ sẽ không đầy đủ nếu bỏ qua cấu trúc văn bản. Diễn ngôn án lệ tiếng Nhật được cấu tạo gồm hai bộ phận lớn là *phần quyết định* của Toà án (主文) và *phần lí do* để đưa ra quyết định đó. Như đánh giá ở trên, rõ ràng có thể khẳng định sự khác biệt giữa cấu trúc án lệ trong các lĩnh vực khác nhau và trong các cấp xét xử khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản vẫn tồn tại một cấu trúc lớn, mang tính chất “khung sườn” cho tất cả các án lệ tiếng Nhật, bao gồm 2 bộ phận: quyết định và lí do, nếu không tính đến các phần thuộc về thể thức của văn bản án lệ.

Cấu trúc án lệ Nhật Bản được trình bày một cách logic và dễ nắm bắt. Thông qua “khung sườn” cấu trúc của án lệ, người đọc có thể nắm bắt được những quyết định của Toà và các lập luận của Toà để đưa ra các quyết định đó. Dựa theo cấu trúc này người đọc có thể dễ dàng tiếp cận các nội dung, các quyết định và các lí lẽ của cơ quan xét xử.

4. Một vài đề xuất nghiên cứu án lệ Nhật Bản

Án lệ Nhật Bản chủ yếu được các học giả thuộc lĩnh vực pháp lí nghiên cứu, dù học giả thuộc lĩnh vực ngôn ngữ cũng quan tâm. Các học giả luật học tâm đến các vấn đề pháp lí của án lệ. Và các nhà ngôn ngữ quan tâm đến ngôn ngữ pháp luật hoặc ngôn ngữ của các cơ quan xét xử. Việc tiếp cận án lệ tiếng Nhật không phải là điều dễ dàng nếu không nắm rõ cấu trúc văn bản của án lệ. Thông qua việc mô tả cấu trúc án lệ, chúng tôi cũng đề xuất một vài vấn đề liên quan để việc tiếp cận án lệ tiếng Nhật được trở nên dễ dàng hơn.

Thứ nhất, khi nghiên cứu các khía cạnh pháp lí của án lệ nên tập trung vào phần lí do của các án lệ. Vì phần này sẽ tập trung chỉ rõ các tình tiết của vụ kiện, các lập luận và quan điểm của cơ quan xét xử về các tình tiết của vụ kiện, cũng như các quy định pháp luật có liên quan. Dựa trên mô tả cấu trúc của án lệ tiếng Nhật, các học giả có thể dễ dàng tìm đến những nội dung liên quan này. Bên cạnh các học giả, sinh viên, học viên chuyên ngành cũng có thể sử dụng cấu trúc văn bản này để dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nghiên cứu các án lệ của Nhật Bản.

Thứ hai, phân tích diễn ngôn, diễn ngôn phê phán, cấu trúc văn bản của án lệ sẽ là một hình mẫu để các học giả tiếp cận nghiên cứu phong cách hoặc phân tích diễn ngôn của Toà án thông qua diễn ngôn bản án hoặc án lệ. Nắm được cấu trúc văn bản của án lệ sẽ giúp việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu cụ thể hơn và nhanh chóng hơn.

5. Kết luận

Án lệ tiếng Nhật là sản phẩm ngôn ngữ của lĩnh vực luật học. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu trên bình diện ngôn ngữ. Bài viết này bước đầu tìm hiểu cấu trúc văn bản của “án lệ tiếng Nhật”. Có thể đánh giá rằng, cấu trúc của án lệ tiếng Nhật sẽ phụ thuộc nội dung của lĩnh vực xét xử và cấp xét xử. Dù vậy, chúng ta vẫn có thể khái quát về “khung sườn” của tất cả các án lệ tiếng Nhật đều được cấu tạo từ hai thành phần lớn: phần quyết định và phần lí do. Phần quyết định được trình bày ngắn gọn ở phía trước, ghi nhận những nội dung phán quyết của cơ quan xét xử. Phần lí do được trình bày sau phần quyết định, ghi nhận các tình tiết của vụ kiện, quan điểm của cơ quan xét xử và các lập luận của cơ quan xét xử về các quy định của pháp luật liên quan. Nghiên cứu mô tả cấu trúc của án lệ tiếng Nhật có thể hỗ trợ phần nào trong việc tiếp cận nội dung của án lệ.

NGŨ LIỆU KHẢO SÁT

Án lệ Toà Tối cao	Án lệ Toà Cấp cao	Án lệ Toà địa phương	Án lệ thuộc lĩnh vực hành chính	Án lệ thuộc lĩnh vực lao động	Án lệ thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ
087885_hanrei	085469_hanrei	089263_hanrei	088339_hanrei	085250_hanrei	089506_hanrei
088189_hanrei	085905_hanrei	089264_hanrei	088358_hanrei	085681_hanrei	089524_hanrei
088415_hanrei	085562_hanrei	089445_hanrei	088445_hanrei	085698_hanrei	089557_hanrei
088903_hanrei	086759_hanrei	089475_hanrei	088850_hanrei	086369_hanrei	089618_hanrei
089071_hanrei	086760_hanrei	089512_hanrei	089359_hanrei	086849_hanrei	089634_hanrei
089256_hanrei	087027_hanrei	089578_hanrei	089367_hanrei	086910_hanrei	089678_hanrei
089433_hanrei	087779_hanrei	089605_hanrei	089388_hanrei	087072_hanrei	089722_hanrei
089571_hanrei	087961_hanrei	089692_hanrei	089399_hanrei	087238_hanrei	089729_hanrei
089677_hanrei	089265_hanrei	089731_hanrei	089406_hanrei	089475_hanrei	089732_hanrei
089772_hanrei	089562_hanrei	089770_hanrei	089780_hanrei	087072_hanrei	089784_hanrei

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban, *Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2006.
2. Phan Tuấn Ly, *Văn hoá chính trị hiện đại trong tổ chức hệ thống chính trị Nhật Bản hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Châu Á học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.
3. Châu Hoàng Thân, *Cấu trúc và áp dụng án lệ ở Việt Nam hiện nay*, Kiểm sát, 23, 2016.

Tiếng Anh

4. Fon, V., & Parisi, F., *Judicial precedents in civil law systems: A dynamic analysis*, International review of Law and Economics, 26(4), 519-535, 2006.
5. Law, J. (Ed.), *A dictionary of law*, OUP Oxford, 2018.
6. Sellers, M. N., *The doctrine of precedent in the United States of America*, Am. J. Comp. L., 54, 67, 2006.
7. David Vong, *Binding precedent and English Judicial Law-Making*, Jura Falconis, p. 319-346, 1985.

Tiếng Nhật

8. 早瀬勝明, 裁判官が判例に拘束される理由, 千葉大学法学論集第 29 巻第 1・2 号, 529-558, 2014. (Hayase Katsuaki, *Lí do thẩm phán bị ràng buộc bởi án lệ*, Pháp luật Đại học Chiba, 29(1,2). 529-558, 2014).
9. 君塚正臣, 判例の拘束力—判例変便、特に不遡及的判例変便も含めて—, 横浜法学第 24 巻第 1 号, 87-132, 2015. (Kimiduka Masaomi, *Tính ràng buộc của án lệ - Sự thay đổi án lệ, đặc biệt bao hàm cả sự thay đổi án lệ không hồi tố*, Pháp luật Yokohama, 24(1). 87-132, 2015.)
10. 西村健一郎・西井正弘・初宿正典, 判例法学, 有斐閣, 東京, 2012. (Nishimura Kenichiro, Nishii Masahiro, Shiyake Masanori, *Luật học án lệ*, Yuhikaku, Tokyo, 2012.)
11. 司法省調査課編, 徳川刑事裁判例集(徳川時代裁判事例) 上・下巻, 橘書院, 日本, 1986. (Cục Thống kê Bộ Tư pháp, *Thời đại Tokugawa hình sự quán lệ tuyển tập: Tài phán lệ Tokugawa*, Tachibana, Nhật Bản, 1986.)